

Bản án số: 37/2019/HSST
Ngày: 04/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Xuân và ông Phan Văn Ký .

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu – tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18 /2019/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

- **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1963. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; nơi cư trú Thôn Tuyệt D, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nơi tạm trú: Thôn Hòa Hội, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (Chết) và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1943; có chồng Diệp Thế M và 03 con, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Diệp Thị Thái S**, sinh năm 1989. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Thôn Tuyệt D, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; con ông Diệp Thế M sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; có chồng Nguyễn Minh H và 02 con, lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Diệp Từ T**, sinh năm 1991. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi thường trú: Thôn Tuyệt D, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nơi tạm trú: Thôn Hòa H, xã Xuân C, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; con ông Diệp Thế M sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; Vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Diệp Từ C**, sinh năm 1992. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Thôn Tuyệt D, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm

thuê; trình độ học vấn: 09/12; con ông Diệp Thế M sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; Có vợ Nguyễn Thị H và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Trần Thanh T**, sinh năm 1991. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Thôn Bình T, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Văn N sinh năm 1966 và bà Hồ Thị V, sinh năm 1965 (Đã chết); Có vợ Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1994. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: “Ma Cao”. Nơi cư trú: Thôn Bình T, xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; con ông Nguyễn Văn X sinh năm 1968 và bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Phạm Minh T** sinh ngày 19/10/2000. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: “Tân”. Nơi cư trú: Thôn Phú D, xã Xuân T, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; con ông Phạm Thanh S sinh năm 1972 và bà Phùng Thị B, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Đại diện theo pháp luật của Phạm Minh T: Ông Phạm Thanh S, sinh năm 1972, bà Phùng Thị B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Phú D, xã Xuân T, thị xã Sông Cầu, Phú Yên, là cha mẹ ruột của T. Ông S có mặt

- **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1998. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: “Tý”. Nơi cư trú: Thôn Tuyệt D xã Xuân B, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (Chết); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Trần Văn T**, sinh ngày 02/01/2000. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: “Tèo”. Nơi cư trú: Thôn Phú D, xã Xuân T, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần T sinh năm 1975 và bà Võ Thị L, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Người bị hại:* Ông Diệp Thế M, sinh năm 1965.

Trú tại: Thôn Hòa H, xã Xuân C, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Phạm Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Trần Nguyên H, KP. Hòa D 6A, P. Cam Phúc Bắc, TP Cam Ranh, Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

** Người làm chứng:*

- Trương Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: KP Long H, phường Xuân P, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Trần Văn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: KP Long H, phường Xuân P, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Nguyễn Xuân V, sinh năm 1983.

- Võ Thị Đ, sinh năm 1942.

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1956.
- Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.
- Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.
- Nguyễn Thị L, sinh năm 1967.
- Mai Văn K, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn Hòa H, xã Xuân C, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó có mâu thuẫn về việc chồng là Diệp Thế M cờ bạc, hay đánh đập và nghe thông tin về việc ông M đưa bà Phạm Thị T về nhà sống và định bán tài sản chung nên Nguyễn Thị B nói với Diệp Thị Thái S; Diệp Từ T và Diệp Từ C đều là con ruột về việc về nhà tại thôn Hòa H, xã Xuân C, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên để giải quyết. Lúc đầu, S, T và C không đồng ý và khuyên nhưng do B đòi về giải quyết một mình, biết tính cách của ông M hung dữ nên S, T, C đồng ý. Cả bốn người thống nhất sẽ đập phá tài sản và đánh bà T nhưng để thực hiện được phải không chế Diệp Thế M. Do là người thân nên nếu về vào nhà thì ông M sẽ biết và xảy ra xô xát nên nhờ người lạ mặt để tiếp cận và khống chế. Theo sự thống nhất, C rủ Trần Thanh T cùng tham gia vì T cũng là người quen và một mình không thể khống chế nên T gọi thêm bạn. T nhắn tin qua facebook cho Nguyễn Thanh C và Phạm Minh T sinh ngày 19/10/2000 nhờ giúp nhưng chưa nói rõ cụ thể. Thực hiện theo sự thống nhất, chiều ngày 23/7/2018, Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T và M quê ở Bạc Liêu (là bạn của T biết T về nên đi cùng cho biết quê), từ thành phố Hồ Chí Minh về lại Sông Cầu. Khi đến quán Mỹ Tâm thì C, T, T và M ở tại quán, S nói đi vào chợ Sông Cầu mua đồ và thuê xe. Ba cùng S đi mua dây dù, băng keo rồi bỏ khăn cá nhân của B vào trong cùng bì nylon màu đen và thuê được xe ô tô biển kiểm soát 78A-03133 của anh Trương Văn T. Trong lúc này, tại quán, T gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh C, C gọi cho Nguyễn Đức T rồi điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 78D1-247.38 chở T cùng đến quán. Sau đó, T, C, T và M được anh T điều khiển xe ô tô đón còn C chở Đức T đi theo. Quá trình đi thì C nói cho Đức T “Một xú ra ngoài kia thì cùng với anh khống chế ông kia đừng để ông động dậy” thì Đức T đồng ý. Khi đến đoạn cua “Đầu Gò” cả nhóm dừng lại ăn sáng, tại đây dặn T và C khống chế bắt trói chứ không được đánh. Khi đến cây xăng Lê Thúc, T gọi cho Minh T, T gọi cho Trần Văn T và nói “Có người nhờ anh em mình lên khống chế ông kia xong rồi đi” thì T đồng ý nên Tâm điều khiển xe Winner biển kiểm soát 78D1-23533 chở T cùng đi đến. Tại đây, C và T xuống dặn T và T “Lên khống chế ông một xú chứ không làm gì hết”. T đưa bì nylon cho T cầm rồi sáu người đi trên xe ô tô, Cao chở Đức T, Minh T chở T đến nhà ông M. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi được chỉ nhà, C, Đức T, Minh T và T đi vào giả vờ gọi bánh canh. Sau đó, lấy lý do chơi internet và nói ông M lên mở máy vi tính. Khi ông M vào ngồi ghế tại máy chủ, Đức T giả vờ nhờ ông M lập tài khoản chơi game thì lúc này bị C ôm và dùng tay khống chế. Do ông M giằng co nên làm cả hai ngã xuống nền. Nghe tiếng la, C và T đi vào, T theo sau vào cửa tiệm, còn bà B, S thì vào bên hông quán ăn. M không xuống xe tham gia. C dùng tay tát ông M từ 02-03 cái

rồi cùng C, Đức T, Minh T và T không chế trời hai tay, hai chân và C dùng khăn nhét vào miệng, C dùng băng keo quấn miệng ông M lại. Do bà Phạm Thị T hô la nên T kéo bà Thiển ra ghế đá, Ba dùng tay tát bà T từ 02-03 cái, S chân đá, dùng chổi đánh rồi dùng dây dù định quấn một chân thì có người đến can ngăn và bà T chạy thoát được. Sau khi trời được, Minh T chở T, C chở Đức T ra về trước. Còn T lấy rựa tại nhà đập vỡ dàn máy của tiệm Internet, C lấy dao đập quạt, tủ, còn bà B kéo tủ lạnh, tủ đựng chén, để chứng minh cho mọi người biết việc ông Ma có chuẩn bị hung khí nên S lấy một thanh kim loại trong nhà ra bỏ ngoài gốc cây. Sau đó, cả nhóm rồi lên xe đến quán Thái Thịnh, tại đây S đưa tiền cho C, T, Minh T và T nhưng không có ai lấy. Ông M báo cáo sự việc cho Công an.

Vật chứng vụ án: 01 sợi dây dù (dây thừng) màu xanh cùng có chiều rộng 03 cm, 01 sợi có nút thắt 07m, 01 sợi có ba nút thắt dài 4,33m; 01 cuộn băng keo màu vàng nhãn hiệu “ TP TAPE” và phần băng keo màu vàng đã sử dụng, kích thước (45x10)cm; 01 khăn vải màu xanh, đỏ, đen, vàng kích thước (63x30)cm.

Về trách nhiệm dân sự: Diệp Thế M và Phạm Thị T có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường và ông Mai có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

- Cáo trạng số 17/CT-VKSSC ngày 23/5/2019 của VKSND thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T, Trần Văn T về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- **Tại phiên tòa:** Các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T, Trần Văn T khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi của các bị cáo đã phạm tội, Viện kiểm sát truy tố là đúng, không oan gì cho các bị cáo.

- Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng số 17/CT-VKSSC ngày 23/5/2019 của VKSND thị xã Sông Cầu truy tố các bị cáo về tội “Bắt người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T, Trần Văn T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo: Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái Si, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Đức T, Phạm Minh T, Trần Văn T. Riêng bị cáo Trần Thanh T còn áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C còn áp dụng Điều 65 BLHS, bị cáo Phạm Minh T còn áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 100 BLHS, bị cáo Trần Văn T còn áp dụng Điều 36 BLHS, bị cáo Nguyễn Đức T áp dụng Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ba từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Phạt bị cáo Diệp Thị Thái S từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Phạt bị cáo Diệp Từ Tài từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bị cáo

Diệp Từ C từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bị cáo Trần Thanh T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Phạt bị cáo Nguyễn Thanh C từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bị cáo Phạm Minh T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến ngày 23/5/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Từ T cho UBND xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao các bị cáo Diệp Thị Thái S, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Phạm Minh T, Trần Văn T cho UBND xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Đối với bị cáo Phạm Minh T là người dưới 18 tuổi nên đề nghị không khấu trừ thu nhập theo khoản 2 Điều 100 BLHS. Đối với bị cáo Trần Văn T hiện đang là sinh viên nên không có thu nhập vì vậy đề nghị miễn khấu trừ thu nhập.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có chức vụ và không sử dụng chức vụ khi thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 157 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Diệp Thế M và Phạm Thị T có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường và ông M có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47, 106 BLTTHS đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 sợi dây dù (dây thừng) màu xanh cùng có chiều rộng 03 cm, 01 sợi có nút thắt 07m, 01 sợi có ba nút thắt dài 4,33m; 01 cuộn băng keo màu vàng nhãn hiệu “TP TAPE” và phần băng keo màu vàng đã sử dụng, kích thước (45x10)cm; 01 khăn vải màu xanh, đỏ, đen, vàng kích thước (63x30)cm, do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo Nguyễn Đức T xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xét xử vắng mặt cũng như sự vắng mặt của những người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử, các bị cáo, kiểm sát viên tham gia phiên tòa không đề nghị hoãn. Nên Hội đồng quyết định xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 30 ngày 24/7/2018, tại thôn Hòa Hội, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ Ch, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T và Trần Văn T có hành vi dùng dây, băng keo, khăn bắt trói Diệp Thế M với mục đích nhằm không cho bị hại chống trả lại, để đập tài sản chung vợ chồng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa bị cáo B và bị hại M trước đó. Đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do của con người một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ bắt người trong trường hợp này là vi phạm pháp luật. Nhưng vì lý do mâu thuẫn chuyện vợ chồng giữa bị cáo Ba và bị hại Mai trước đó và cho rằng bị hại Mai đã đưa người phụ nữ khác về chung sống, mà các bị cáo thống nhất bắt bị hại để đập phá tài sản cho thỏa mãn cơn tức giận. Nên xử lý đúng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên vụ án xảy ra xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của bị cáo Ba và bị hại mà lôi kéo theo các bị cáo khác cũng đều là con của bị cáo và bị hại cùng một số bạn bè của con bị cáo giúp sức bắt bị hại, trong đó có bị cáo là người dưới 18 tuổi. Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này chưa có lần phạm tội nào khác, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và được bị hại Diệp Thế M xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên không nhất thiết cách lý các bị cáo ra khỏi xã hội.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng với vai trò từng bị cáo tham gia có sự khác nhau, cụ thể:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị B, dù không trực tiếp bắt bị hại. Nhưng là người đề xướng và là người trực tiếp chuẩn bị công cụ để cho các bị cáo khác thực hiện tội phạm, nên mức hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo khác.

- Đối bị cáo Diệp Thị Thái S, tuy lúc đầu không thống nhất ý kiến của bị cáo B, nhưng vì là mẹ con, nên bị cáo cũng đồng ý, mặc dù bị cáo không trực tiếp bắt bị hại, nhưng đồng tình cùng với bị cáo B chuẩn bị công cụ bắt bị hại, bị cáo mới sinh con nên mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo B, bị cáo T, C và Tùng nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Diệp Từ T cũng như Diệp Thị Thái S, mặc dù không là người trực tiếp thực hiện hành vi bắt nhưng đã chỉ vì để đập tài sản riêng, bị cáo cũng đã thống nhất và để các bị cáo khác trói cha bị cáo nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo B, cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Diệp Từ C là người đã thống nhất với bị cáo B, T và S, là người rủ bị cáo Trần Thanh T và là người trực tiếp trói bị hại M nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo B, như bị cáo T.

Đối với bị cáo Trần Thanh T mặc dù không trực tiếp không chế, trói nhưng khi được Diệp Từ C rủ đã đồng ý và còn là người trực tiếp rủ bị cáo Nguyễn Thanh C và bị cáo Phạm Minh T trong khi đó bị cáo T là người dưới 18 tuổi, là người trực tiếp đưa bị nỉlon có 02 sợi dây cho Trần Văn T nên mức hình phạt thấp hơn bị cáo ba nhưng như bị cáo T và C.

Đối với bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Thanh C được T rủ thì cũng đã rủ Trần Văn T và Nguyễn Đức T cùng tham gia và trực tiếp là người cùng tham gia không chế để trói bị hại. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo T là người dưới 18 tuổi nên hình phạt khác bị cáo Cao.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức T khi được bị C rủ thì đồng ý ngay và là người trực tiếp cùng bị cáo C, Phạm Minh T, Trần Văn T khống chế trói bị hại M do nhận thức pháp luật. Mặc dù, trong quá trình khởi tố, điều tra, bị cáo có vi phạm nghĩa vụ cam đoan theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và bị bắt tạm giam nhưng sau đó được tại ngoại, trong quá trình tại ngoại bị cáo đã chấp hành nghiêm chỉnh theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, bị cáo đã có cha mẹ đều mất và một người anh mới mất nhưng bị cáo còn các anh chị khác và bị cáo đang làm công nhân trong thời gian tại ngoại bị cáo không có vi phạm, Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân bị cáo không thuộc trường hợp không được cho hưởng án treo nên không cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS năm 2015 như đề nghị của Viện kiểm sát mà áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục và không gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn địa phương.

Đối với bị cáo Trần Văn T khi được Phạm Minh T rủ cũng chỉ vì nhận thức pháp luật nên đồng ý và trực tiếp tham gia khống chế, trói bị hại M nhưng vai trò thấp hơn các bị cáo khác. Bị cáo đang là sinh viên nên hình phạt thấp hơn các bị cáo khác và như bị cáo Phạm Minh T.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Trần Văn T và Nguyễn Đức T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên về hình phạt áp dụng cho bị cáo Nguyễn Đức T cách ly ra khỏi xã hội là có phần nặng cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo đã bị tạm giam gần 02 tháng cũng đủ để

bị cáo nhận thức và chấp hành tốt pháp luật, nên cần áp dụng Điều 65 BLHS xử lý cũng đủ tác dụng, giáo dục răn đe bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không sử dụng chức vụ để thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 157 BLHS.

Đối với bị cáo T là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập theo khoản 2 Điều 100 BLHS. Đối với bị cáo T là sinh viên không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập.

[4] **Trách nhiệm dân sự:** Diệp Thế M và Phạm Thị T có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường và ông M có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về xử lý vật chứng:** 01 sợi dây dù (dây thừng) màu xanh cùng có chiều rộng 03 cm, 01 sợi có nút thắt 07m, 01 sợi có ba nút thắt dài 4,33m; 01 cuộn băng keo màu vàng nhãn hiệu “ TP TAPE” và phần băng keo màu vàng đã sử dụng, kích thước (45x10)cm; 01 khăn vải màu xanh, đỏ, đen, vàng kích thước (63x30)cm, do các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] **Về án phí:** Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T, Trần Văn T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, đối với các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Đức T.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo Trần Thanh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Phạm Minh T.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị B** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Diệp Thị Thái S** 09 (chín) tháng tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa

phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Diệp Từ T 01** (một) năm tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Diệp Từ C 01** (một) năm tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Thanh T 01** (một) năm tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh C 01** (một) năm tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức T 09** (Chín) tháng tù cho hưởng treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Minh T 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Minh T, Trần Văn T cho UBND xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình

sự năm 2015 được sửa đổi; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây dù (dây thừng) màu xanh cùng có chiều rộng 03 cm, 01 sợi có nút thắt 07m, 01 sợi có ba nút thắt dài 4,33m; 01 cuộn băng keo màu vàng nhãn hiệu “ TP TAPE” và phần băng keo màu vàng đã sử dụng, kích thước (45x10)cm; 01 khăn vải màu xanh, đỏ, đen, vàng kích thước (63x30)cm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Sông Cầu với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Nguyễn Thị B, Diệp Thị Thái S, Diệp Từ T, Diệp Từ C, Trần Thanh T, Nguyễn Thanh C, Phạm Minh T, Nguyễn Đức T, Trần Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND cùng cấp.
- CQĐT Công an TX Sông Cầu;
- Cơ quan THAHS CATX. Sông Cầu;
- Chi cục THADS TX Sông Cầu;
- Các Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn